

Số: **1818**/KH-GDDT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng 5 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### **Tuyển dụng viên chức công tác ở các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Năm học 2019 - 2020**

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (viết tắt là Nghị định 29/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt là Nghị định 161/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (viết tắt là Thông tư số 16/2012/TT-BNV);

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi năng ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập,

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức năm học 2019 – 2020 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở gồm trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp – Hướng nghiệp như sau:

## **1. Tình hình nhu cầu tuyển dụng**

Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý 129 đơn vị trực thuộc. Thực hiện chủ trương đẩy mạnh công tác phân cấp quản lý đối với các đơn vị trực thuộc có tính đặc thù riêng và các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục phân cấp tổ chức tuyển dụng viên chức đối với 22 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Quyết định số 790/QĐ-GDDT-TC ngày 08 tháng 5 năm 2018 (Đính kèm Phụ lục 1).

Năm học 2019-2020 ngành giáo dục thành phố thành lập và đưa vào hoạt động 04 trường trung học phổ thông trên địa bàn Quận 9, quận Thủ Đức, huyện Hóc Môn và huyện Bình Chánh. Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến tuyển dụng 531 viên chức, trong đó: 443 viên chức là giáo viên trung học phổ thông và 88 viên chức là nhân viên (Đính kèm Phụ lục 2), để bổ sung nhu cầu giáo viên, nhân viên đối với các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và các đơn vị trực thuộc chưa được phân cấp tuyển dụng.

## **2. Nguyên tắc tuyển dụng**

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện theo Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và Thông tư số 16/2012/TT-BNV.

Tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu theo khung vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đã được duyệt.

Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

Không trường hợp được tuyển chọn phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

Người đăng ký dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm, nếu đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí việc làm trở lên sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển.

Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho kỳ tuyển dụng lần sau.

Không tiếp nhận các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

**3. Trường hợp được đăng ký dự tuyển viên chức, điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức và đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức**

### **3.1 Trường hợp được đăng ký dự tuyển viên chức**

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của Luật lao động hiện hành;
- c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- e) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí vị trí việc làm dự tuyển;
- f) Dủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

### **3.2. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức**

#### **3.2.1. Người dự tuyển các vị trí việc làm Giáo viên bộ môn:**

Phải đạt trình độ chuẩn theo qui định hiện hành tương ứng với chức danh nghề nghiệp giáo viên bộ môn đăng ký dự tuyển, cụ thể:

- a) Đối với vị trí Giáo viên Trung học cơ sở:
  - Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;
  - Có trình độ Ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;
  - Có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
- b) Đối với vị trí Giáo viên Trung học phổ thông:
  - Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;
  - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

### **3.2.2. Người dự tuyển các vị trí việc làm nhân viên:**

Phải đạt trình độ chuẩn theo qui định hiện hành tương ứng với chức danh nghề nghiệp nhân viên đăng ký dự tuyển, cụ thể:

#### **a) Đối với vị trí thủ quỹ:**

- Có bằng Tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm thủ quỹ;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương:
  - Bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT đối với bằng tốt nghiệp Trung cấp và Cao đẳng.
  - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT đối với trình độ chuyên môn Đại học.
- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

#### **b) Đối với vị trí văn thư:**

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ:
  - Bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT đối với bằng tốt nghiệp Trung cấp và Cao đẳng.
  - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT đối với bằng tốt nghiệp Đại học.
- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

#### **c) Đối với vị trí thư viện**

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên về chuyên ngành thư viện, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ:
  - Bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT đối với bằng tốt nghiệp Trung cấp và Cao đẳng.
  - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT đối với bằng tốt nghiệp Đại học.
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

#### **d) Đối với vị trí thiết bị, thí nghiệm:**

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

e) Đối với vị trí công nghệ thông tin:

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về CNTT trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

❖ **LƯU Ý:** người dự tuyển xem nội dung cụ thể tại *Phụ lục 3* kèm theo kế hoạch này; về quy đổi trình độ ngoại ngữ, tin học và về danh sách các đơn vị được cho phép cấp chứng chỉ.

### **3.3. Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:**

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyển nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

### **4. Trường hợp không được đăng ký dự tuyển viên chức**

Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;  
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

### **5. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức**

Căn cứ Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại công văn số 4913/SNV-CCVC ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc hợp đồng lao động và xét tuyển đặc cách ở đơn vị sự nghiệp công lập;

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố xem xét tiếp nhận vào viên chức đối với các đối tượng, chỉ tiêu và quy trình cụ thể như sau:

#### **5.1. Đối tượng**

a. Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:

- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;

- Cán bộ, công chức cấp xã;

- Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

b. Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.

c. Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

## **5.2. Chỉ tiêu xem xét tiếp nhận vào viên chức:**

Xem xét tiếp nhận *10% trên tổng số các trường hợp đăng ký là trường hợp đặc biệt* để công nhận vào viên chức trong tuyển dụng viên chức.

## **5.3. Quy trình xem xét tiếp nhận vào viên chức:**

Thực hiện theo hình thức tuyển dụng viên chức tại Mục 6 kế hoạch này.

## **6. Hình thức tuyển dụng**

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo 2 vòng:

- **Vòng 1:** Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn tại Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- **Vòng 2:** Thực hành để kiểm tra năng lực về chuyên môn và nghiệp vụ giảng dạy của người dự tuyển (giáo viên) hoặc nghiệp vụ công tác (nhân viên); thời gian 45 phút.

## **7. Hội đồng tuyển dụng viên chức**

Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập và làm việc căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 6, Mục I, Chương II Nghị định số 29/2012/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

## **8. Hồ sơ dự tuyển**

Người dự tuyển chuẩn bị **02 bộ hồ sơ**, cụ thể:

**8.1. Bộ hồ sơ thứ nhất:** người dự tuyển nộp khi đến tham dự vòng 1, bộ hồ sơ sắp xếp theo thứ tự các thành phần gồm:

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (*được in ở Bước 2 Điểm 9.2 Khoản 9 kế hoạch này*); 02 bản;

2. Bản sao không công chứng của Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân xuất trình kèm bản chính để đối chiếu; 01 bản;

3. Bản sao không công chứng của các văn bằng chuyên môn, bằng điểm kết quả học tập toàn khóa, chứng chỉ Tin học, chứng chỉ Ngoại ngữ xuất trình kèm bản chính để đối chiếu; 01 bản.

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tính pháp lý của văn bằng.

4. Bản sao không công chứng của các minh chứng và xuất trình kèm bản chính để đối chiếu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có).

5. Bản sao không công chứng của các minh chứng và xuất trình kèm bản chính để đối chiếu chứng minh trường hợp đặc biệt (nếu có) như: Bản tổng hợp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội đến thời điểm dự tuyển, các quyết định và hợp đồng liên quan (*đối với đối tượng a*); các bằng khen hoặc các loại giấy chứng nhận có giá trị pháp lý (*đối với đối tượng b*); các quyết định liên quan (*đối với đối tượng c*).

**8.2. Bộ hồ sơ thứ hai:** người dự tuyển nộp tại đơn vị được phân công đến nhận nhiệm sở sau khi nhận được thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, bộ hồ sơ sắp xếp theo thứ tự các thành phần gồm:

1. Bản chính thông báo công nhận kết quả trúng tuyển: 01 bản;
2. Bản sao Phiếu đăng ký dự tuyển (*đã được cấp mã dự tuyển*): 01 bản;
3. Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật (theo mẫu) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã – phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ: 01 bản;
4. Bản sao không công chứng của Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân và sổ hộ khẩu thường trú xuất trình kèm bản chính để đối chiếu: 01 bản;
5. Bản sao không công chứng của các văn bằng chuyên môn, bằng điểm kết quả học tập toàn khóa, chứng chỉ Tin học, chứng chỉ Ngoại ngữ xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tính pháp lý của văn bằng.

6. Giấy chứng nhận sức khỏe có kết luận đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe;

7. Bản sao công chứng Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có).

8. Bản sao công chứng các minh chứng thuộc trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức (nếu có).

**Đối với người trúng tuyển** có quá trình công tác đúng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, có tham gia đóng BHXH trong các đơn vị trường công lập, dân lập, tư thục từ đủ 12 tháng trở lên thì bổ sung thành phần hồ sơ nộp để đơn vị tiếp nhận thực hiện hồ sơ đề nghị xem xét bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp diện miễn thực hiện tập sự, gồm:

a) Bản sao không công chứng Quyết định nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động kèm bản chính để đối chiếu;

b) Sổ Bảo hiểm xã hội, tờ rời in rõ quá trình đóng BHXH có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội;

c) Bản sao không công chứng Quyết định lương hiện hưởng khi nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc kèm bản chính để đối chiếu.

### **8.3. Lưu ý:**

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc đơn vị tiếp nhận phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng chứng chỉ không đúng quy định sẽ bị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, bị hủy kết quả trúng tuyển và không được đăng ký tuyển dụng trong kỳ tuyển dụng tiếp theo.

## **9. Quy trình, thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng viên chức**

### **9.1. Đối với các đơn vị đã được phân cấp tuyển dụng viên chức:**

Đề nghị người dự tuyển theo dõi kế hoạch tuyển dụng riêng của từng đơn vị và thực hiện đúng quy trình, thời gian và địa điểm theo kế hoạch tuyển dụng của các đơn vị đã được phân cấp tuyển dụng (*Phụ lục I*).

*Ví dụ: Người dự tuyển đăng ký xét tuyển vào Trường Mầm non Thành phố, ứng viên thực hiện theo quy trình đã được thông báo tuyển dụng của Trường Mầm non Thành phố.*

### **9.2. Đối với các ứng viên tham gia dự tuyển tại Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Đề nghị người dự tuyển thường xuyên vào trang thông tin điện tử về tuyển dụng của Sở Giáo dục và Đào tạo: <http://tuyendung.hcm.edu.vn/> để xem và thực hiện quy trình thay đổi (nếu có) theo các nội dung thông báo mới nhất.

Người dự tuyển theo dõi và thực hiện tuân thủ theo các bước sau:

#### **Bước 1: Người dự tuyển đăng ký dự tuyển**

- Thời gian đăng ký: trong giờ hành chính bắt đầu từ thứ Hai ngày 03/6/2019 đến hết thứ Tư ngày 03/7/2019.

- Địa chỉ đăng ký: Phòng Tiếp dân, Sở Giáo dục và Đào tạo - số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Người dự tuyển đem theo bản chính Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc Thẻ căn cước công dân (TCC) đến đăng ký để nhận Mã số đăng ký dự tuyển.

**Lưu ý:** *Địch thân ứng viên phải đến đăng ký và chỉ gửi quyết định đăng ký một (01) lần với số CMND hoặc TCC.*

#### **Bước 2: Người dự tuyển điền thông tin đăng ký dự tuyển**

Người dự tuyển sử dụng số CMND hoặc số TCC và Mã số đăng ký dự tuyển đã được cấp để nhập đầy đủ các thông tin vào trang đăng ký thông tin theo liên kết <http://tuyendung.hcm.edu.vn/tuyendung/capnhatphieudutuyen> và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin đăng ký dự xét tuyển. Trang đăng ký thông tin sẽ khóa sau thứ Tư ngày 03/7/2019.

#### **Bước 3: Người dự tuyển tham dự xét tuyển vòng 1**

- Thời gian: dự kiến 03 ngày, từ ngày 08/7/2019 đến ngày 10/7/2019.

- Địa điểm: dự kiến Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa (Số 20 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh).

Người dự tuyển đem theo Bộ hồ sơ thứ nhất đến để được kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn.

#### **Bước 4: Hội đồng tuyển dụng thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2**

- Thời gian: dự kiến thứ Ba ngày 16/7/2019.

- Nơi đăng thông báo: niêm yết công khai tại Phòng Tiếp dân, Sở Giáo dục và Đào tạo; đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo; gửi tin nhắn thông báo triệu tập tham dự vòng 2 đến người dự tuyển theo số điện thoại người dự tuyển cung cấp.

#### **Bước 5: Người dự tuyển đủ điều kiện tiêu chuẩn tham dự xét tuyển vòng 2**

- Thời gian: dự kiến 04 ngày, từ ngày 18/7/2019 đến ngày 21/7/2019.

- Địa điểm: dự kiến Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa (Số 20 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh).

Người dự tuyển đem theo bản chính CMND hoặc TCC, bút và các tài liệu cần thiết để tham dự xét tuyển vòng 2 kiểm tra năng lực về chuyên môn và nghiệp vụ giảng dạy của người dự tuyển (giáo viên) hoặc nghiệp vụ công tác (nhân viên).

**Bước 6: Hội đồng tuyển dụng niêm yết và thông báo kết quả xét tuyển viên chức**

- Thời gian: dự kiến 10 giờ 00 thứ Tư ngày 07/8/2019.

- Nơi đăng thông báo: niêm yết công khai tại Phòng Tiếp dân, Sở Giáo dục và Đào tạo; đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo; gửi tin nhắn thông báo kết quả xét tuyển viên chức đến người dự tuyển theo số điện thoại người dự tuyển cung cấp.

**Bước 7: Người trúng tuyển đến nhận thông báo công nhận kết quả trúng tuyển**

- Thời gian: dự kiến thứ Năm ngày 08/8/2019.

- Địa điểm: dự kiến Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa (Số 20 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh).

Người dự tuyển đem theo bản chính CMND hoặc TCC và 01 bản sao Phiếu đăng ký dự tuyển (đã được cấp mã dự tuyển).

**Bước 8: Người trúng tuyển đến đơn vị được phân công để nhận nhiệm sở**

- Thời gian: dự kiến thứ Năm ngày 08/8/2019 và thứ Sáu ngày 09/8/2019.

- Địa điểm: tại đơn vị người trúng tuyển được phân công trong thông báo công nhận kết quả trúng tuyển.

Người dự tuyển đem theo Bộ hồ sơ thứ hai để nộp cho đơn vị được phân công.

**Bước 9. Đơn vị tiếp nhận người trúng tuyển đến nhận nhiệm sở**

Ngay sau khi người dự tuyển đến đơn vị được phân công nhiệm sở để nộp bộ hồ sơ thứ hai, Thủ trưởng đơn vị thực hiện các việc sau:

- Kiểm tra hồ sơ người nhận nhiệm sở; đối chiếu với bản chính các văn bằng, kết quả học tập, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học, đối tượng ưu tiên (nếu có) và trường hợp đặc biệt (nếu có).

- Thực hiện ký hợp đồng làm việc theo quy định.

- Cập nhật thông tin người trúng tuyển đến nhận nhiệm sở vào phần mềm tuyển dụng trước thứ Sáu ngày 30/8/2019.

Trên đây là kế hoạch tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, căn cứ tình hình thực tế Sở Giáo dục và Đào tạo có thể sẽ có những điều chỉnh bằng văn bản để phù hợp với tình hình công tác tuyển dụng và đúng các văn bản quy phạm hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (để biết);
- Văn phòng Sở;
- Trường THPT, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Trung tâm thông tin và chương trình giáo dục;
- Lưu: VT, TCCB, TA.



Lê Hồng Sơn

**Phụ lục 1**

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN CẤP TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số 1818 /KH-GDDT-TC ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

| STT | ĐƠN VỊ                                                             | ĐỊA CHỈ                                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1   | Trường Mầm non Thành phố                                           | 04 Trần Quốc Thảo, P. 6, Q. 3                    |
| 2   | Trường Mầm non 19/5 thành phố                                      | 94 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1            |
| 3   | Trường Mầm non Nam Sài Gòn                                         | Trần Văn Trà, P. Tân Phú, Q. 7                   |
| 4   | Trường THPT Nam Sài Gòn                                            | Khu A, đô thị mới Nam Sài Gòn, P. Tân Phú, Q. 7  |
| 5   | Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong                                   | 235 Nguyễn Văn Cừ, P. 4, Q. 5                    |
| 6   | Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                                  | 20 Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Q. 1                |
| 7   | Trường THPT Quốc tế Việt Úc                                        | 184/7 Lê Văn Sĩ, P. 10, Q. Phú Nhuận             |
| 8   | Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu                        | 184 Nguyễn Chí Thanh, P. 3, Q. 10                |
| 9   | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh                | 500-502 Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận Q.7        |
| 10  | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12                        | CS1: 592 Nguyễn Ánh Thủ, P. Trung Mỹ Tây, Q. 12  |
| 11  | Trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh                   | Số 146 đường Đỗ Văn Dậy, P. Tân Hiệp, H. Hóc Môn |
| 12  | Trường Cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn                              | 3-5 Huỳnh Thị Phụng, P.4, Q.8                    |
| 13  | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh           | 215-217 Nguyễn Văn Lương, P. 11, Q.6             |
| 14  | Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh                      | 33 Vĩnh Viễn, P.2, Q.10                          |
| 15  | Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh                  | 390 Hoàng Văn Thụ, P. 4, Q.Tân Bình              |
| 16  | Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức                                  | 53 Võ Văn Ngân, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức          |
| 17  | Báo Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh                                 | 300 Điện Biên Phủ, P. 7, Q. 3                    |
| 18  | Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho người Khuyết tật | 108 Lý Chính Thắng, P. 8, Q. 3                   |
| 19  | Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh           | A1/30, Quốc Lộ 50, X. Phong Phú, H. Bình Chánh   |
| 20  | Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quận Tân Bình        | 62/8A Sao Mai, P. 7, Q. Tân Bình                 |
| 21  | Trung tâm Thông tin và Chương trình Giáo dục                       | Lầu 10, số 66-68 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1 |
| 22  | Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học                                      | Lầu 01, số 66-68 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1 |

Danh sách có 22 đơn vị/.

**Phụ lục 2****BẢNG NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 1818/KH-GDDT-TC ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

| STT | Tên môn                              | Dự kiến nhu cầu<br>Tuyển dụng năm<br>học 2019-2020 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 1   | Lịch sử                              | 12                                                 |         |
| 2   | Địa lý                               | 18                                                 |         |
| 3   | Toán                                 | 54                                                 |         |
| 4   | Vật lý                               | 18                                                 |         |
| 5   | Hóa học                              | 27                                                 |         |
| 6   | Tiếng Anh                            | 82                                                 |         |
| 7   | Tiếng Pháp                           | 02                                                 |         |
| 8   | Tiếng Đức                            | 01                                                 |         |
| 9   | Tiếng Nhật                           | 02                                                 |         |
| 10  | Ngữ văn                              | 61                                                 |         |
| 11  | Sinh học                             | 35                                                 |         |
| 12  | GDCD                                 | 13                                                 |         |
| 13  | Kỹ thuật Công nghiệp                 | 36                                                 |         |
| 14  | Kỹ thuật Nữ công                     | 01                                                 |         |
| 15  | Tin học                              | 28                                                 |         |
| 16  | Thể dục                              | 31                                                 |         |
| 17  | Quốc phòng                           | 20                                                 |         |
| 18  | Mỹ thuật                             | 01                                                 |         |
| 19  | Âm nhạc                              | 01                                                 |         |
| 20  | Nhân viên Công nghệ thông tin        | 25                                                 |         |
| 21  | Nhân viên Văn thư                    | 15                                                 |         |
| 22  | Nhân viên Thư viện                   | 22                                                 |         |
| 23  | Nhân viên Thủ quỹ                    | 06                                                 |         |
| 24  | Nhân viên Thiết bị, Phòng Thí nghiệm | 20                                                 |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                     | <b>531</b>                                         |         |

### Phụ lục 3

## LƯU Ý VỀ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số:1818/KH-GDDT-TC ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

### I. Đối với trình độ Ngoại ngữ:

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C;
- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành.
- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;
- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC;

Việc quy đổi chức chỉ ngoại ngữ thực hiện như sau:

| Khung<br>NLNN 6<br>bậc VN<br>(TT<br>61/2014/TT-<br>BGDĐT) | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh) |                                     |         |                    |                         |            |       |     |     |       |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|--------------------|-------------------------|------------|-------|-----|-----|-------|
|                                                           | CC<br>Tiếng<br>Anh<br>theo QĐ<br>177                             | CC<br>Tiếng<br>Anh<br>theo<br>QĐ 66 | IELTS   | GE                 | BEC                     | BULAT<br>S | TOEFL |     |     | TOEIC |
|                                                           |                                                                  |                                     |         |                    |                         |            | PBT   | CBT | iBT |       |
| Bậc 1                                                     | Trình độ<br>A                                                    | A1                                  |         |                    |                         |            |       |     |     | 120   |
| Bậc 2                                                     | Trình độ<br>B                                                    | A2                                  |         | Preliminary<br>KET |                         | 20         |       |     | 40  | 225   |
| Bậc 3                                                     | Trình độ<br>C                                                    | B1                                  | 4 - 4.5 | Preliminary<br>PET | Business<br>Preliminary | 40         | 450   | 133 | 45  | 450   |
| Bậc 4                                                     |                                                                  | B2                                  | 5 - 6   | FCE                | Business<br>Vantage     | 60         | 500   | 173 | 61  | 600   |
| Bậc 5                                                     |                                                                  | C1                                  | 6.5-7.5 | CAE                | Business<br>Higher      | 75         |       |     | 90  | 850   |
| Bậc 6                                                     |                                                                  | C2                                  | 8-9     | CPE                |                         | 90         |       |     |     |       |

| Khung NLNN 6 bậc | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác) |            |                     |             |            |             |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|---------------------|-------------|------------|-------------|
|                  | Tiếng Nga                                                             | Tiếng Pháp | Tiếng Đức           | Tiếng Trung | Tiếng Nhật | Tiếng Hàn   |
| Bậc 1            | TEU                                                                   | DELFA1     | A1                  | HSK cấp 1   | JLPT N1    | Topik I-L1  |
| Bậc 2            | TBU                                                                   | DELFA2     | A2                  | HSK cấp 2   | JLPT N2    | Topik I-L2  |
| Bậc 3            | TRKI I                                                                | DELFB1     | B1 ZD               | HSK cấp 3   | JLPT N3    | Topik II-L3 |
| Bậc 4            | TRKI II                                                               | DELFB2     | B2 test DaF level 4 | HSK cấp 4   | JLPT N4    | Topik II-L4 |
| Bậc 5            | TRKI III                                                              | DALFC1     |                     | HSK cấp 5   | JLPT N5    | Topik II-L5 |
| Bậc 6            | TRKI IV                                                               | DALFC2     |                     | HSK cấp 6   | JLPT N6    | Topik II-L6 |

Riêng các Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, căn cứ công văn số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (viết tắt là công văn số 538/QLCL-QLVBCC), tính đến ngày 20/5/2019 chỉ công nhận Chứng chỉ được cấp từ 08 đơn vị sau:

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                         |
|-----|----------------------------------------------------|
| 1   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 2   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng         |
| 3   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế             |
| 4   | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh       |
| 5   | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội                      |
| 6   | Trường Đại học Hà Nội                              |
| 7   | Trường Đại học Thái Nguyên                         |
| 8   | Trường Đại học Cần Thơ                             |

## 2. Đối với chứng chỉ Tin học:

- Căn cứ công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận *"bài thi IC3 đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản"*.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: *"các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản"*; căn cứ công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: *"Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ đình việc cấp phát chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016"*. Vậy chứng chỉ tin học A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì được công nhận là tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

- Căn cứ công văn số 538/QLCL-QLVBCC tính đến ngày 20/5/2019 chỉ công nhận chứng chỉ Ứng dụng CNTT được cấp từ 176 đơn vị sau:

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|
| 1   | Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội                    |
| 2   | Viện Quốc tế Pháp ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội                       |
| 3   | Viện Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội                    |
| 4   | Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh   |
| 5   | Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh           |
| 6   | Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh |
| 7   | Trung tâm Công nghệ thông tin - Đại học Thái Nguyên                   |
| 8   | Trường Đại học Công nghệ thông tin truyền thông - Đại học Thái Nguyên |
| 9   | Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên                         |
| 10  | Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên                         |
| 11  | Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên                          |
| 12  | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên   |
| 13  | Trung tâm Phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng                       |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                 |
|-----|------------------------------------------------------------|
| 14  | Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng                   |
| 15  | Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế                      |
| 16  | Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế                       |
| 17  | Trường Đại học Trà Vinh                                    |
| 18  | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội                              |
| 19  | Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội                              |
| 20  | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 21  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh                       |
| 22  | Trường Đại học Công nghệ Quản lý Hữu nghị                  |
| 23  | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh               |
| 24  | Viện Đại học Mở Hà Nội                                     |
| 25  | Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang                          |
| 26  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên                   |
| 27  | Trường Đại học Cần Thơ                                     |
| 28  | Trường Đại học Vinh                                        |
| 29  | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                            |
| 30  | Trường Đại học Tôn Đức Thắng                               |
| 31  | Trường Đại học Hòa Bình                                    |
| 32  | Trường Đại học Lạc Hồng                                    |
| 33  | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh           |
| 34  | Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh               |
| 35  | Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2                            |
| 37  | Trường Đại học Tiền Giang                                  |
| 38  | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An                 |
| 39  | Trường Đại học Tây Bắc                                     |
| 40  | Trường Đại học Nội vụ                                      |
| 41  | Trường Đại học Tây Nguyên                                  |
| 42  | Trường Đại học Xây dựng Miền Tây                           |
| 43  | Trường Đại học Nha Trang                                   |
| 44  | Học viện An ninh nhân dân                                  |
| 45  | Học viện Cảnh sát nhân dân                                 |
| 46  | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội                          |
| 47  | Trường Đại học An Giang                                    |
| 48  | Trường Đại học Thái Dẫu Một                                |
| 49  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh      |
| 50  | Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh    |
| 51  | Trường Đại học Thái Bình                                   |
| 52  | Trường Đại học Xây dựng Miền Trung                         |
| 53  | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội                            |
| 54  | Trường Đại học Nam Cần Thơ                                 |
| 55  | Trường Đại học Hoa Lư                                      |
| 56  | Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông                    |
| 57  | Trường Đại học Hùng Vương                                  |
| 58  | Trường Đại học Phan Thiết                                  |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                 |
|-----|------------------------------------------------------------|
| 59  | Trường Đại học Trưng Vương                                 |
| 60  | Trường Đại học Hà Tĩnh                                     |
| 61  | Trường Đại học Thành Đông                                  |
| 62  | Trường Đại học Tài chính Marketing                         |
| 63  | Trường Đại học Thái Bình Dương                             |
| 64  | Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ                  |
| 65  | Trường Đại học Sài Gòn                                     |
| 66  | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam                           |
| 67  | Cục Tin học hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông)             |
| 68  | Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội              |
| 69  | Trường Đại học Bạc Liêu                                    |
| 70  | Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)             |
| 71  | Trường Đại học Đồng Đô                                     |
| 72  | Trường Đại học Kiên Giang                                  |
| 73  | Trường Đại học Phạm Văn Đồng                               |
| 74  | Trường Đại học An ninh nhân dân                            |
| 75  | Trường Đại học Nguyễn Tất Thành                            |
| 76  | Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân                          |
| 77  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long                  |
| 78  | Trường Đại học Thủy lợi                                    |
| 79  | Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 80  | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh                    |
| 81  | Trường Đại học Duy Tân                                     |
| 82  | Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải                |
| 83  | Trường Đại học Tân Trào                                    |
| 84  | Trường Đại học Buôn Ma Thuột                               |
| 85  | Trường Đại học Kinh tế Nghệ An                             |
| 86  | Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh              |
| 87  | Trường Đại học Phú Yên                                     |
| 88  | Trường Đại học Tây Đô                                      |
| 89  | Trường Đại học Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh |
| 90  | Trường Đại học Quy Nhơn                                    |
| 91  | Trường Đại học Trần Đại Nghĩa                              |
| 92  | Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh                  |
| 93  | Học viện Quản lý Giáo dục                                  |
| 94  | Trường Đại học Thông tin liên lạc                          |
| 95  | Trường Đại học Nông lâm Huế                                |
| 96  | Trường Đại học Lao động xã hội (cơ sở 2)                   |
| 97  | Trường Đại học Cửu Long                                    |
| 98  | Học viện Báo chí và Tuyên truyền                           |
| 99  | Trường Đại học Đại Nam                                     |
| 100 | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội             |
| 101 | Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng                    |
| 102 | Trường Đại học Đồng Nai                                    |
| 103 | Trường Đại học Thương mại                                  |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------|
| 104 | Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì                           |
| 105 | Trường Đại học Công nghiệp Vinh                               |
| 106 | Trường Đại học Công đoàn                                      |
| 107 | Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội                               |
| 108 | Trường Đại học Khánh Hòa                                      |
| 109 | Học viện Ngân hàng                                            |
| 110 | Trường Đại học Lâm nghiệp                                     |
| 111 | Trường Đại học Hạ Long                                        |
| 112 | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định                      |
| 113 | Trường Đại học Đồng Tháp                                      |
| 114 | Học viện Tài chính                                            |
| 115 | Trường Đại học Y Dược Thái Bình                               |
| 116 | Trường Đại học Đà Lạt                                         |
| 117 | Học viện Kỹ thuật Quân sự                                     |
| 118 | Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà                                 |
| 119 | Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh                      |
| 120 | Trường Đại học Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa         |
| 121 | Học viện Bưu chính viễn thông cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh |
| 122 | Trường Đại học Văn Hiến                                       |
| 123 | Trường Đại học Hải Phòng                                      |
| 124 | Trường Đại học Bình Dương                                     |
| 125 | Trường Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh        |
| 126 | Trường Đại học Luật Hà Nội                                    |
| 127 | Trường Đại học Hồng Đức                                       |
| 128 | Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh                |
| 129 | Trường Đại học Nguyễn Trãi                                    |
| 130 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên                               |
| 131 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị                              |
| 132 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình                             |
| 133 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương                              |
| 134 | Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình                              |
| 135 | Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long                              |
| 136 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội                                 |
| 137 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang                              |
| 138 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh                               |
| 139 | Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận                             |
| 140 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước                             |
| 141 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu                      |
| 142 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên                            |
| 143 | Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ                                |
| 144 | Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau                                 |
| 145 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu                               |
| 146 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định                              |
| 147 | Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ                                |
| 148 | Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang                             |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                   |
|-----|----------------------------------------------|
| 149 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi            |
| 150 | Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái               |
| 151 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn              |
| 152 | Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên               |
| 153 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế        |
| 154 | Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai               |
| 155 | Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An               |
| 156 | Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng               |
| 157 | Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông              |
| 158 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh |
| 159 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình              |
| 160 | Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc             |
| 161 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng              |
| 162 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang             |
| 163 | Sở Giáo dục và Đào tạo Long An               |
| 164 | Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk               |
| 165 | Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang            |
| 166 | Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp             |
| 167 | Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum               |
| 168 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình             |
| 169 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai               |
| 170 | Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên             |
| 171 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương            |
| 172 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh            |
| 173 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng             |
| 174 | Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La                |
| 175 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa             |
| 176 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam             |